

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TU
TỈNH LC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST

Ngày 16-2- 2022

V/v Không công nhận quan hệ vợ
chồng và tranh chấp về nuôi con của
nam nữ chung sống với nhau như vợ
chồng mà không đăng ký kết hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TU TỈNH LC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Quảng Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Lâm

Bà Nguyễn Lệ Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Lò Văn Sơm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
TU, tỉnh LC.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TU tham gia phiên tòa: Ông
Lương Văn Thu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 02 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TU
tỉnh LC xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2021/TLST-HNGĐ ngày 12
tháng 10 năm 2021 về “Không công nhận quan hệ vợ chồng và tranh chấp về
nuôi con của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết
hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày
04 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự.

1. *Nguyên đơn:* Chị Hà Thị B, sinh năm: 1982; Nơi ĐKKHKT: Bản M 1,
xã KO, huyện TU, tỉnh LC; (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Hà Văn S, sinh năm: 1988; Nơi ĐKKHKT: Bản M 1, xã
KO, huyện TU, tỉnh LC; (Vắng mặt không có lý do chính đáng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 10 năm 2021 và những lời khai
trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Hà Thị B
trình bày.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị B và anh Hà Văn S sống chung với
nhau như vợ chồng từ năm 2016 và đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã KO,
huyện TU, tỉnh LC. Do thiếu hiểu biết pháp luật nên chị B và anh S không đăng
ký kết hôn theo quy định. Anh chị sống chung hạnh phúc được khoảng năm
năm, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Hà Văn S

mắc tệ nạn xã hội, nghiện chất ma túy, không chịu tu chí làm ăn, lao động, sản xuất, vun vén kinh tế gia đình, nuôi dạy con cái. Chị B cùng hai bên gia đình nhiều lần động viên, nhắc nhở nhưng không thành dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, mâu thuẫn gia đình trở nên trầm trọng. Từ tháng 02/2021 đến nay chị B và anh S không còn chung sống như vợ chồng. Chị Hà Thị B yêu cầu Tòa án không công nhận chị B và anh S là vợ chồng và giải quyết về nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống như vợ chồng chị Hà Thị B và anh Hà Văn S có một con chung chưa thành niên là cháu Hà Thị Đ, sinh ngày 17/4/2017 hiện đang sinh sống cùng với chị B. Do anh S nghiện ma túy, thường xuyên đi làm ăn xa, không có mặt tại nơi cư trú nên chị B có yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là cháu Hà Thị Đ và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Chị Hà Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại các biên bản lấy lời khai anh Hà Văn S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh S và chị Hà Thị B sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2016 nhưng do thiếu hiểu biết pháp luật nên không đăng ký kết hôn theo quy định. Anh chị sống chung hạnh phúc được khoảng năm năm, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị B bỏ nhà **đi làm thuê** không được sự nhất trí của anh S và có mối quan hệ ngoại tình với người khác nên vợ chồng thường xuyên cãi cọ và đã sống ly thân từ tháng 02/2021 đến nay. Anh S công nhận có sử dụng ma túy nhưng chưa nghiện. Do còn tình cảm với chị B và thương con còn nhỏ nên anh S không đồng ý ly hôn với chị B.

Về nuôi con chung: Anh S công nhận anh và chị B có một con chung chưa thành niên là cháu Hà Thị Đ, sinh ngày 17/4/2017 hiện đang sinh sống cùng với chị B. Ly hôn, anh S có yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là cháu Hà Thị Đ và không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Anh Hà Văn S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án nhân dân huyện TU thụ lý vụ án và xác minh tại Ủy ban nhân dân xã KO và đại diện hai bên gia đình anh S, chị B xác định: Anh Hà Văn S và chị Hà Thị B hiện có hộ khẩu thường trú tại bản M 1, xã KO, huyện TU, tỉnh LC. Chị B, anh S đã sống chung như vợ chồng từ năm 2016 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Anh S là người nghiện chất ma túy đã từng đi chấp hành án về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”. Anh S chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương nhưng vẫn có biểu hiện nghiện chất ma túy. **Sau khi nhận thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và được được Tòa án lấy lời khai anh S bỏ đi làm ăn xa không rõ địa chỉ và không có mặt tại nơi cư trú.** Do đó, Tòa án đã tiến

hành niêm yết các văn bản tố tụng, mở các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, lập biên bản về việc không tiến hành hoà giải được, đồng thời thông báo, niêm yết kết quả phiên họp theo quy định và đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, chị Hà Thị B giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng và tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn. Anh Hà Văn S đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TU tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử. Về phía các đương sự: Nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn chưa chấp hành các giấy triệu tập, thông báo của của Tòa án, gây khó khăn trong việc tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng đã được đảm bảo các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét điều kiện về mọi mặt của các đương sự đề nghị Hội đồng xét xử: căn cứ Khoản 7, 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 143, 147, 227, 228, 266, 267 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC- BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị B. Không công nhận chị Hà Thị B và anh Hà Văn S là vợ chồng.

Về nuôi con chung: Giao cho chị Hà Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là cháu Hà Thị Đ, sinh ngày 17/4/2017 từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Đ thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình hoặc có sự thay đổi khác. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị B không có yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Do các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hà Thị B xác định đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về “Không công nhận quan hệ vợ chồng và tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 7, 8 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh Hà Văn S có hộ khẩu thường trú tại bản M 1, xã KO, huyện Than Uyên, tỉnh LC. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TU, tỉnh LC.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho các đương sự theo như địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp. Tuy nhiên, qua xác minh, anh S thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú không rõ thời điểm trở về nên không thể cấp, tổng đạt, thông báo trực tiếp các văn bản tố tụng cho anh S. Tại thời điểm tổng đạt các văn bản, anh S vẫn có hộ khẩu thường trú tại bản M 1, xã KO, huyện TU, tỉnh LC nên căn cứ khoản 5 Điều 177, Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện TU tiến hành thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, xác định vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 20/01/2022, Toà án nhân dân huyện TU mở phiên toà lần thứ nhất, anh S đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên toà. Ngày 16/02/2022, Tòa án mở lại phiên tòa, anh Hà Văn S đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là anh Hà Văn S.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào lời khai của các đương sự, biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã KO, huyện TU, tỉnh LC và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, xác định:

Chị Hà Thị B và anh Hà Văn S sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2016 nhưng do thiếu hiểu biết pháp luật cùng với phong tục tập quán hôn nhân gia đình lạc hậu nên anh chị vẫn tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và được hai bên gia đình thừa nhận nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, đã vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Chị B có yêu cầu Tòa án không công nhận chị B và anh S là vợ chồng nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-

BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình để tuyên bố không công nhận chị Hà Thị B và anh Hà Văn S là vợ chồng.

[4]. Về nuôi con chung: Căn cứ giấy khai sinh số 34/2017 ngày 21/4/2017 của Ủy ban nhân dân xã KO, huyện TU và các biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã KO và nơi cư trú của các đương sự xác định:

Trong thời gian chung sống như vợ chồng chị Hà Thị B và anh Hà Văn S có một con chung chưa thành niên là cháu Hà Thị Đ, sinh ngày 17/4/2017. Từ tháng 02/2021 đến nay, cháu Đ sống cùng với chị B.

Xét về điều kiện, Anh Hà Văn S và chị Hà Thị B đều có nơi cư trú tại bản M 1, xã KO, huyện TU, tỉnh LC, thời gian ly thân chị B có nhà ở ổn định còn anh S sống cùng với bố mẹ đẻ; anh chị có nghề nghiệp là trồng trọt, mức thu nhập trung bình của lao động cùng loại tại xã KO khoảng 2.300.000 đồng/tháng. Qua xác minh, anh S nghiện ma túy đã từng chấp hành án về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”, trở về địa phương anh thường xuyên đi làm ăn xa không rõ địa chỉ và không có mặt ở nơi cư trú, gia đình không biết anh S đi đâu, làm gì, khoảng 5, 6 tháng mới về nhà một lần do đó anh S không có đủ các điều kiện để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con. Về phía chị Hà Thị B, trong thời gian từ tháng 02/2021 cháu Đ sống cùng chị B, được đảm bảo các điều kiện sinh hoạt, học hành đầy đủ.

Hội đồng xét xử nhận thấy, cháu Hà Thị Đ hiện đang ở độ tuổi rất cần sự quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng của cha mẹ để đảm bảo phát triển về thể chất, tinh thần và nhân cách. Do đó, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con chung chưa thành niên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị Hà Thị B, giao cho chị Hà Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là Hà Thị Đ, sinh ngày 17/4/2017 từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Đ thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình hoặc có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị B không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn là chị Hà Thị B phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 7, 8 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; **Điểm a khoản 1 Điều 39**; Các Điều 143, 147, điều 227, **228**, 266, 267, 271, 273- Bộ luật Tố tụng dân sự; **Điều 39 - Bộ luật dân sự.**

- Điều 9, Điều 14, 15 Khoản 2 Điều 53, **Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84** - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC- BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị B. **Xử** không công nhận chị Hà Thị B và anh Hà Văn S là vợ chồng.

[2]. Về nuôi con chung: Giao cho chị Hà Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là cháu Hà Thị Đ, sinh ngày 17/4/2017 từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Đ thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình hoặc có sự thay đổi khác.

Anh Hà Văn S có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với chị Hà Thị B theo Quyết định của Tòa án. Chị B có quyền yêu cầu anh S cùng các thành viên trong gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Anh Hà Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị B không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hà Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Xác nhận chị Hà Thị B đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số **AA/2021/0000583 ngày 12/20/2021** tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TU, tỉnh LC nay chuyển thành án phí.

[5]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt

có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LC;
- VKSND huyện Than Uyên;
- Chi cục THA dân sự huyện TU;
- Các đương sự;
- Công bố trên Cổng thông tin Đ tử của Tòa án.
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quàng Thị Phương